

Số: 70 /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thống nhất mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Xét Tờ trình số 8505/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 106/BC-BKTNS ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) và đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất

STT	Loại đất - Địa bàn áp dụng	Tỷ lệ phần trăm (%)	
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
1	Phường Nha Trang	0,7	
	Các loại đường		
	<i>Đường loại 1</i>		3,0
	<i>Đường loại 2</i>		2,4
	<i>Đường còn lại</i>		1,8
	Khu đô thị, khu dân cư mới		1,8
	Các đảo		1,2
2	Phường Bắc Nha Trang	0,7	
	Các loại đường		
	<i>Đường loại 1</i>		2,2
	<i>Đường loại 2</i>		1,8
	<i>Đường còn lại</i>		1,6
	Khu đô thị, khu dân cư mới		1,6
	Các đảo		1,2
3	Phường Tây Nha Trang	0,7	
	Các loại đường		
	<i>Đường loại 1</i>		2,2
	<i>Đường loại 2</i>		1,8
	<i>Đường còn lại</i>		1,6
	Khu đô thị, khu dân cư mới		1,6
	Các đảo		1,2
4	Phường Nam Nha Trang	0,7	
	Các loại đường		
	<i>Đường loại 1</i>		2,2
	<i>Đường loại 2</i>		1,8
	<i>Đường còn lại</i>		1,6
	Khu đô thị, khu dân cư mới		1,6

STT	Loại đất - Địa bàn áp dụng	Tỷ lệ phần trăm (%)	
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
	Các đảo		1,2
5	Phường Bắc Cam Ranh		
	Các loại đường	0,7	1,5
	Các đảo	0,5	0,7
6	Phường Cam Ranh		
	Các loại đường	0,7	1,5
	Các đảo	0,5	0,7
7	Phường Cam Linh		
	Các loại đường	0,7	1,5
	Các đảo	0,5	0,7
8	Phường Ba Ngòi		
	Các loại đường	0,7	1,5
	Các đảo	0,5	0,7
9	Xã Nam Cam Ranh		
	Các loại đường	0,7	1,3
	Các đảo	0,5	0,7
10	Phường Ninh Hòa	0,7	1,3
11	Phường Đông Ninh Hòa	0,7	1,3
12	Phường Hòa Thắng	0,7	1,3
13	Xã Bắc Ninh Hòa	0,6	1,0
14	Xã Tân Định	0,6	1,0
15	Xã Nam Ninh Hòa	0,6	1,0
16	Xã Tây Ninh Hòa	0,6	1,0
17	Xã Hòa Trí	0,6	1,0
18	Xã Vạn Ninh	0,6	1,0
19	Xã Vạn Hưng	0,6	1,0
20	Xã Vạn Thắng	0,6	1,0
21	Xã Tu Bông	0,6	1,0

STT	Loại đất - Địa bàn áp dụng	Tỷ lệ phần trăm (%)	
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
22	Xã Đại Lãnh	0,6	1,0
23	Xã Diên Khánh	0,6	1,0
24	Xã Diên Lạc	0,6	1,0
25	Xã Diên Điền	0,6	1,0
26	Xã Diên Lâm	0,6	1,0
27	Xã Diên Thọ	0,6	1,0
28	Xã Suối Hiệp	0,6	1,0
29	Xã Cam Lâm	0,6	1,0
30	Xã Suối Dầu	0,6	1,0
31	Xã Cam Hiệp	0,6	1,0
32	Xã Cam An	0,6	1,0
33	Xã Bắc Khánh Vĩnh	0,5	0,7
34	Xã Trung Khánh Vĩnh	0,5	0,7
35	Xã Tây Khánh Vĩnh	0,5	0,7
36	Xã Nam Khánh Vĩnh	0,5	0,7
37	Xã Khánh Vĩnh	0,5	0,7
38	Xã Khánh Sơn	0,5	0,7
39	Xã Tây Khánh Sơn	0,5	0,7
40	Xã Đông Khánh Sơn	0,5	0,7
41	Xã Ninh Phước	0,6	0,8
42	Xã Phước Hữu	0,6	0,7
43	Xã Phước Hậu	0,6	0,7
44	Xã Thuận Nam	0,6	0,7
45	Xã Cà Ná	0,6	0,7
46	Xã Phước Hà	0,6	0,7
47	Xã Phước Dinh	0,6	0,7
48	Xã Ninh Hải	0,6	0,7
49	Xã Xuân Hải	0,6	0,7

STT	Loại đất - Địa bàn áp dụng	Tỷ lệ phần trăm (%)	
		Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp
50	Xã Vĩnh Hải	0,6	0,7
51	Xã Thuận Bắc	0,6	0,7
52	Xã Công Hải	0,6	0,7
53	Xã Ninh Sơn	0,6	0,8
54	Xã Lâm Sơn	0,6	0,7
55	Xã Anh Dũng	0,6	0,7
56	Xã Mỹ Sơn	0,6	0,7
57	Xã Bác Ái Đông	0,5	0,7
58	Xã Bác Ái	0,5	0,7
59	Xã Bác Ái Tây	0,5	0,7
60	Phường Phan Rang	0,7	1,0
61	Phường Đông Hải	0,7	1,0
62	Phường Ninh Chữ	0,7	1,0
63	Phường Bảo An	0,7	1,0
64	Phường Đô Vinh	0,7	1,0

2. Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai, được tính như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước

Đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với phần diện tích đất có mặt nước được tính bằng mức tỷ lệ phần trăm (%) đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định


có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước, cụ thể như sau:

- a) Đối với các Phường: 40%;
- b) Đối với các Xã: 20%.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

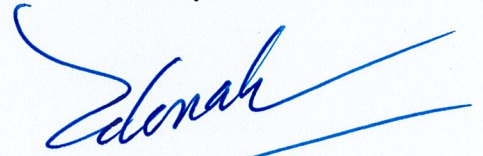
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết: Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa (trước hợp nhất) và Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận (trước hợp nhất).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Lâm Đông